TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A** **TỈNH G**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HS-ST
Ngày 20 - 4 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Đình Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Thại và bà Nguyễn Thị Mến

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thắng, thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Ngọc Ánh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/QĐXXST-HS ngày 11/3/2021 đối với các bị cáo:

1. Trần Quốc D, sinh năm 2001 tại huyện K S, tỉnh N B; nơi cư trú: 27 H V, Tổ 8, phường Đ K, thị xã A, tỉnh G; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Chu Thị S; tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 17/8/2020 đến ngày 26/8/2020 được tại ngoại, có mặt.

2. Trần Văn C, sinh năm 1963 tại huyện K S, tỉnh N B; nơi cư trú: 27 H V, Tổ 8, phường Đ K, thị xã A, tỉnh G; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 5/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn P (đã chết) và bà Vũ Thị D (đã chết), có vợ là Nguyễn Thị S và 04 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nay H'Na (Mí T), sinh năm 1980
Trú tại: Thôn Plei P H'B, xã C M, huyện I P, tỉnh G. Vắng mặt
2. Phạm Đình C, sinh năm 1976
Trú tại: Thôn H H, xã I R, huyện K P, tỉnh G. Vắng mặt
3. Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1999
Trú tại: Tổ 8, phường Đ K, thị xã A, tỉnh G. Vắng mặt
4. Ksor H'P, sinh năm 1977
Trú tại: Tổ 4, phường C R, thị xã A, tỉnh G. Vắng mặt
5. Nay H'L, sinh năm 1996
Trú tại: Tổ 1, phường Đ K, thị xã A, tỉnh G. Vắng mặt
6. Kpă H'R, sinh năm 1975

Trú tại: Tổ 10, phường Đ K, thị xã A, tỉnh G. Vắng mặt
7. Nguyễn Thị H, sinh năm 1970
Trú tại: Tổ 7, phường Đ K, thị xã A, tỉnh G. Vắng mặt
8. Ksor H'Đơn, sinh năm 1978
Trú tại: Tổ 3, phường C R, thị xã A, tỉnh G. Vắng mặt
9. Nay S, sinh năm 1995
Trú tại: Tổ 2, phường S B, thị xã A, tỉnh G. Vắng mặt
10. Bùi Thị Phi V, sinh năm 1975
Trú tại: Thôn P C R, xã I P, huyện P T, tỉnh G. Vắng mặt
11. Ksor H'L, sinh năm 1988
Trú tại: Buôn H 1, xã I S, thị xã A, tỉnh G. Vắng mặt
12. Rcom H'H, sinh năm 1986
Trú tại: Tổ 9, phường Đ K, thị xã A, tỉnh G. Vắng mặt

- *Người tham gia tố tụng khác:*
+ *Người phiên dịch:* Ông Rcom Lốt, người dân tộc Jrai
Địa chỉ: Tổ 9, phường Đ K, thị xã A, tỉnh G. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 01/2020, Trần Quốc D đến thị xã A, tỉnh G ở cùng với cha mẹ mình tại khu nhà trọ thuộc tổ 8, phường Đ K, thị xã A. Trong quá trình phụ giúp cha mẹ buôn bán dạo tại thị xã A và các vùng lân cận, D nhận thấy nhiều người có nhu cầu vay vốn nên đã nảy sinh ý định thực hiện hành vi cho vay lãi nặng dưới hình thức trả góp hàng ngày cả gốc lẫn lãi. Để thực hiện hoạt động cho vay, D in tờ rơi quảng cáo với nội dung "Cho vay tiền trả góp" và lấy số điện thoại "0982644598" và "0346403155", lấy tên là A. Hùng để người vay liên hệ. Trong quá trình hoạt động cho vay, D không có nhiều vốn để cho vay nên ông Trần Văn C (cha ruột D) cho D mượn tiền nhiều lần với tổng số tiền là 100.000.000 đồng.

Cách thức cho vay: Khi có người gọi điện thoại hỏi vay tiền, D hẹn gặp người vay tại nơi ở hoặc nơi làm việc của người vay để xác minh làm căn cứ thu tiền. Do không thông thuộc địa bàn nên những lần vay đầu tiên ông C dẫn D đến nhà những người vay. D trực tiếp thỏa thuận việc vay mượn tiền, cho khách ghi tên, ngày vay, số tiền vay trong giấy mượn tiền (mẫu giấy mượn tiền chuẩn bị sẵn) và thu chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu hoặc giấy tờ khác (bản gốc hoặc bản photo). Thu tiền trong 25 ngày đến 32 ngày cả gốc lẫn lãi tùy theo thỏa thuận, với mức lãi suất dao động từ 240%/năm đến 415,44%/năm (tương đương 20% đến 34,62%/tháng). Việc cho vay, D ghi lại trong sổ để theo dõi hàng ngày. Trong quá trình cho vay, do D còn trẻ nên để thuận lợi cho việc thu tiền, D nói với người vay ông C là ông chủ tên Hùng còn D chỉ là người làm thuê cho ông C. Khi có người vay không đóng tiền theo thỏa thuận, D nhờ ông C nhắc nhở, đôn đốc người vay trả nợ.

Kết quả điều tra xác định trong khoảng thời gian từ tháng 01/2020 đến tháng 08/2020, D đã cho 12 người vay tiền, thu lợi bất chính số tiền 60.059.660 đồng, cụ thể:

1. Nguyễn Thị H vay 02 lần với tổng số tiền 13.000.000 đồng, với mức lãi suất cho vay là 23,23%/tháng và 26,25%/tháng, tổng tiền lãi thu được là 1.690.000 đồng, trong đó tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm (tương đương 1,67%/tháng) là 117.220 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.572.780 đồng. Hiện chị H còn nợ D số tiền nợ gốc là 6.120.000 đồng.

2. Nay H'N vay 04 lần với tổng số tiền 50.000.000 đồng, với mức lãi suất cho vay là 23,23%/tháng, tổng tiền lãi thu được là 9.677.420 đồng, trong đó tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm (tương đương 1,67%/tháng) là 694.440 đồng, tiền thu lợi bất chính là 8.982.980 đồng. Hiện chị H'N còn nợ D số tiền nợ gốc là 9.677.420 đồng.

3. Ksor H'Đ vay 02 lần với tổng số tiền 20.000.000 đồng, với mức lãi suất cho vay là 23,23%/tháng, tổng tiền lãi thu được là 3.948.390 đồng, trong đó tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm (tương đương 1,67%/tháng) là 283.330 đồng, tiền thu lợi bất chính là 3.665.060 đồng. Hiện chị H'Đ còn nợ D số tiền nợ gốc là 3.548.390 đồng.

4. Phạm Đình C vay 06 lần với tổng số tiền 35.000.000 đồng, với mức lãi suất cho vay là 23,23%/tháng và 20%/tháng, tổng tiền lãi thu được là 7.066.670 đồng, trong đó tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm (tương đương 1,67%/tháng) là 561.100 đồng, tiền thu lợi bất chính là 6.505.570 đồng. Hiện anh C còn nợ D số tiền nợ gốc là 1.666.670 đồng.

5. Rcom H'H vay 03 lần với tổng số tiền 90.000.000 đồng, với mức lãi suất cho vay là 34,62%/tháng và 30%/tháng, tổng tiền lãi thu được là 15.500.000 đồng, trong đó tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm (tương đương 1,67%/tháng) là 816.670 đồng, tiền thu lợi bất chính là 14.683.330 đồng. Hiện chị H'H còn nợ D số tiền nợ gốc là 32.000.000 đồng.

6. Nay S vay 03 lần với tổng số tiền 13.000.000 đồng, với mức lãi suất cho vay là 34,62%/tháng và 23,23%/tháng, tổng tiền lãi thu được là 2.254.840 đồng, trong đó tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm (tương đương 1,67%/tháng) là 140.550 đồng, tiền thu lợi bất chính là 2.114.290 đồng. Hiện anh S còn nợ D số tiền nợ gốc là 4.354.840 đồng.

7. Bùi Thị Phi V vay 04 lần với tổng số tiền 20.000.000 đồng, với mức lãi suất cho vay là 23,23%/tháng, tổng tiền lãi thu được là 4.374.200 đồng, trong đó tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm (tương đương 1,67%/tháng) là 313.890 đồng, tiền thu lợi bất chính là 4.060.310 đồng. Hiện chị V còn nợ D số tiền nợ gốc là 1.774.200 đồng.

8. Kpă H'R vay 03 lần với tổng số tiền 13.000.000 đồng, với mức lãi suất cho vay là 34,62%/tháng và 23,23%/tháng, tổng tiền lãi thu được là 3.145.160 đồng, trong đó tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm (tương đương 1,67%/tháng) là 204.440 đồng, tiền thu lợi bất chính là 2.940.720 đồng. Hiện chị H'R còn nợ D số tiền nợ gốc là 645.160 đồng.

9. Ksor H'P vay 01 lần với số tiền 3.000.000 đồng, với mức lãi suất cho vay là 23,23%/tháng, tiền lãi thu được là 720.000 đồng, trong đó tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm (tương đương 1,67%/tháng) là 51.670 đồng, tiền thu lợi bất chính là 668.330 đồng. Hiện chị H'P đã trả đủ số tiền vay của D.

10. Nay H'L vay 02 lần với tổng số tiền 7.000.000 đồng, với mức lãi suất cho vay là 23,23%/tháng, tổng tiền lãi thu được là 781.930 đồng, trong đó tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm (tương đương 1,67%/tháng) là 56.110 đồng, tiền thu lợi bất chính là 725.820 đồng. Hiện chị H'L còn nợ D số tiền nợ gốc là 3.741.930 đồng.

11. Ksor H'Lu vay 02 lần với tổng số tiền 30.000.000 đồng, với mức lãi suất cho vay là 30%/tháng, tổng tiền lãi thu được là 4.700.000 đồng, trong đó tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm (tương đương 1,67%/tháng) là 261.110 đồng, tiền thu lợi bất chính là 4.438.890 đồng. Hiện chị H'Lu còn nợ D số tiền nợ gốc là 11.200.000 đồng.

12. Nguyễn Thị Thanh T vay 03 lần với tổng số tiền 50.000.000 đồng, với mức lãi suất cho vay là 23,23%/tháng, tổng tiền lãi thu được là 10.451.610 đồng, trong đó tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm (tương đương 1,67%/tháng) là 749.990 đồng, tiền thu lợi bất chính là 9.701.620 đồng. Hiện chị T còn nợ D số tiền nợ gốc là 6.451.610 đồng.

* *Vật chứng vụ án:* Quá trình khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Quốc D đã tạm giữ:

- 01 (một) cuốn sổ bìa màu đen có kích thước (16,3x24)cm đã qua sử dụng không rõ nhãn hiệu, bên trong có ghi các ký hiệu chữ và số liên quan đến hoạt động cho vay (được đánh số thứ tự từ 01 đến 13).

- Tiền VNĐ: 19.200.000 đồng (Mười chín triệu hai trăm nghìn đồng) gồm: 26 tờ polime mệnh giá 500.000 đồng, 19 tờ polime mệnh giá 200.000 đồng, 21 tờ polime mệnh giá 100.000 đồng, 04 polime mệnh giá 50.000 đồng, 03 tờ polime mệnh giá 20.000 đồng và 04 tờ polime mệnh giá 10.000 đồng. (Số tiền này do Trần Quốc Doanh thu về từ những người vay tiền)

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, biển kiểm soát 81M1-013.81 màu sơn đen, số khung 1201BY313978, số máy HC12E3114016 kèm theo 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 001605 cấp ngày 22/5/2012 và 01 biên lai bán hàng của cửa hàng xe máy Văn Minh có địa chỉ tại 108 T H Đ, thị xã A, G . (Đây là phương tiện Trần Quốc D mua và sử dụng phục vụ trong quá trình thực hiện hoạt động cho vay)

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS MAX màu đen có số IMEI 357269090081696 (đã qua sử dụng) kèm theo 01 sim VIETTEL có số thuê bao 0382172038. Qua điều tra xác định không liên quan đến hoạt động cho vay, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Trần Quốc D.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu LG-G6 màu xanh viền trắng có số IMEI 355468082228289 (đã qua sử dụng) kèm theo 01 sim VIETTEL có số thuê bao 0346403155. (Đây là phương tiện Trần Quốc D mua và sử dụng trong quá trình thực hiện hoạt động cho vay)

- 12 (mười hai) tờ giấy A4 và 13 (mười ba) tờ giấy có kích thước (15,2x10,4)cm có in nội dung quảng cáo cho vay tiền trả góp.

- 15 (mười lăm) giấy biên nhận vay tiền của những người vay.

- 01 (một) sổ hộ khẩu số 210058958 (bản chính) và 01 (một) trích lục kết hôn (bản sao) mang tên Nguyễn Thị Thanh T. Cơ quan điều tra đã trả lại sổ hộ khẩu cho chị Nguyễn Thị Thanh T.

- 01 (một) sổ hộ khẩu (bản photo) và 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Ksor H'P (bản photo); 01 (một) thẻ giáo viên mang tên Ksor H'P (bản chính). Cơ quan điều tra đã trả lại thẻ giáo viên cho chị Ksor H'P.

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 230638495 mang tên Rcom H'H (bản chính). Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Rcom H'H.

- 01 (một) giấy phép lái xe số 641046005088 (bản chính), 01 (một) thẻ văn thư (bản chính) và 01 (một) sổ hộ khẩu (bản photo) mang tên Ksor H'Đ. Cơ quan điều tra đã trả lại giấy phép lái xe và thẻ văn thư cho chị Ksor H'Đ.

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 230712334 (bản chính), 01 (một) sổ hộ khẩu (bản photo) mang tên Ksor H'L. Cơ quan điều tra đã trả lại giấy chứng minh nhân dân cho chị Ksor H'L.

- 01 (một) sổ hộ khẩu số 210058777 mang tên Kpă H'R (bản sao).

- 01 (một) sổ hộ khẩu số 210290649 mang tên Bùi Thị Phi V (bản chính). Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị V.

- 01 (một) sổ hộ khẩu số 210058648 mang tên Nguyễn Thị H (bản chính). Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H.

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 231000641 mang tên Nay S (bản chính). Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh S.

- 01 (một) sổ hộ khẩu (bản chính) mang tên chủ hộ Ksor L (SN 1976, trú tại Plei C B, xã C M, I P, G) của chị Nay H'N. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H'N.

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 231001103 (bản photo), 01 (một) sổ hộ khẩu số 210248615 (bản sao) mang tên Nay H'L.

Trong quá trình cho vay, Trần Quốc D còn sử dụng 01 điện thoại di động trắng đen và sim điện thoại có số thuê bao "0982644598" để liên hệ trong hoạt động cho vay. Tuy nhiên, bị can đã làm mất điện thoại kèm theo sim điện thoại nêu trên nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Những người vay Ksor H'Đ và Ksor H'P không yêu cầu bị can Trần Quốc D hoàn trả lại số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi trên 20%/năm); những người vay chị Nguyễn Thị H, chị Nay H'N, anh Phạm Đình C, anh Nay S, chị Bùi Thị Phi V, chị Kpă H'R, chị Nay H'L, chị Ksor H'L, chị Rcom H'H và chị Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu bị can Trần Quốc D phải hoàn trả lại số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi trên 20%/năm).

Tại bản Cáo trạng số: 03/CT-VKS ngày 15/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G truy tố các bị cáo Trần Quốc D và Trần Văn C về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Trần Quốc D và Trần Văn C về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201; Điều 17, Điều 35, khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Quốc D và Trần Văn C.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc D với mức từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Trần Văn C với mức từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước đối với:

+ Tiền VNĐ: 19.200.000 đồng (Mười chín triệu hai trăm nghìn đồng).

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, biển kiểm soát 81M1-013.81 màu sơn đen, số khung 1201BY313978, số máy HC12E3114016 kèm theo 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 001605 cấp ngày 22/5/2012.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu LG-G6 màu xanh viền trắng có số IMEI 355468082228289 (đã qua sử dụng).

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS đề nghị tịch tiêu hủy 01 sim VIETTEL có ký hiệu 8984048831003285184.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 468 BLDS

Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm là khoản tiền mà người phạm tội thu lợi bất chính của người vay nên được trả lại cho người vay. Đề nghị buộc bị cáo Trần Quốc D phải trả lại tiền thu lợi bất chính cho những người vay có yêu cầu được trả lại với tổng số tiền 60.059.700 đồng.

Đối với người vay Ksor H'Đ và Ksor H'P không yêu cầu bị can Trần Quốc D hoàn trả lại số tiền thu lợi bất chính vì vậy không đề cập đến.

- Biện pháp tư pháp: căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 46 và điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS, đề nghị:

Truy thu của bị cáo Trần Quốc D số tiền đã cho 12 người vay tổng cộng là 348.250.560 đồng (gồm tiền gốc cho là 344.000.000 đồng và tiền lãi 20%/năm là 4.250.560 đồng), được trừ đi số tiền 81.180.220 đồng (là tiền gốc những người vay còn nợ bị cáo) và trừ đi số tiền đã thu giữ của bị cáo là 19.200.000 đồng. Còn lại bị cáo phải nộp số tiền là 247.870.340 đồng để sung quỹ nhà nước.

Truy thu tiền gốc những người vay còn nợ bị cáo trong quá trình vay để sung quỹ nhà nước số tiền 81.180.220 đồng.

- Ý kiến của các bị cáo: Thống nhất với tội danh, điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự, về xử lý vật chứng mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo.

Bị cáo Trần Văn C đề nghị HĐXX xem xét lại số tiền mà đại diện VKS đề nghị truy thu đối với bị cáo Trần Quốc D, vì số tiền gốc ban đầu cho vay thấp, nhưng đề nghị của đại diện VKS là quá cao.

Bị cáo Trần Quốc D khai nhận: Trong quá trình cho vay, ngoài số tiền gốc, tiền lãi các bên thỏa thuận, bị cáo còn thu thêm của một số người vay khoản phí (khoản tiền xăng xe, điện thoại, làm hồ sơ vay) do bị cáo quy định, gồm: thu thêm của Nguyễn Thị H 650.000 đồng; Nay H'N 250.000 đồng; Ksor H'Đ 600.000 đồng; Phạm Đình C 600.000 đồng; Rcom H'H 4.000.000 đồng; Nay S 150.000 đồng; Kpă H'R 500.000 đồng; Nay H'L 300.000 đồng; Ksor H'L 500.000 đồng; Ksor H'Ph 150.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được Tòa án tống đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa, lời khai của họ có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện đầy đủ. Tòa án căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với những chứng cứ, tài liệu thu thập được có tại hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Từ tháng 01 đến tháng 8 năm 2020, Trần Quốc D và Trần Văn C đã có hành vi cho 12 người tại địa bàn thị xã thị xã A và các huyện lân cận vay trong giao dịch dân sự với tổng số tiền gốc đã cho vay là 344.000.000 đồng, thu lãi từ 240%/năm đến 415,44%/năm (vượt quá 05 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong bộ luật dân sự), thu lợi bất chính số tiền 60.059.700 đồng.

Hành vi cho vay trong giao dịch dân sự của các bị cáo đã phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ được pháp luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Hiện nay loại tội phạm cho vay lãi nặng tại địa phương ngày càng gia tăng, diễn biến phức tạp, việc lợi dụng hoàn cảnh người vay gặp khó khăn hoặc cần tiền gấp để ép người vay phải chịu lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính, gây dư luận xấu, bị quần chúng nhân dân bất bình lên án.

Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, trái đạo đức xã hội nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội mới đạt được mục đích giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng người. Hội đồng xét xử đánh giá tính chất, mức độ, vai trò từng đồng phạm nhằm cá thể hóa hình phạt, cụ thể: Trần Quốc D là người soạn thảo giấy vay tiền, in tờ rơi quảng cáo, quy định mức lãi suất, hình thức cho vay, là người trực tiếp thực hiện hoạt động cho vay lãi nặng, có vai trò chính trong vụ án. Đối với Trần Văn C, là cha ruột của bị cáo D, khi biết D thực hiện hành vi cho vay lãi nặng không những không can ngăn mà còn giúp sức tích cực như cho D mượn tiền làm vốn, những lần vay đầu tiên đã dẫn D đến nhà những người vay, đôn đốc, nhắc nhở người vay trả tiền. Cần xử phạt bị cáo D với mức án nghiêm khắc hơn so với bị cáo C.

[3] Về nhân thân: Các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự

[4] Đánh giá về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo; đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Về những chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều, khoản áp dụng, mức hình phạt đối với các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng, một

phần biện pháp tư pháp cơ bản phù hợp với kết quả nghị án của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về ý kiến của các bị cáo: Thống nhất với tội danh, điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự, về xử lý vật chứng mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

[7] Về biện pháp tư pháp:

[7.1] Tịch thu tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm: căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS thì:

Số tiền gốc bị cáo Trần Quốc D cho 12 người vay 344.000.000 đồng là phương tiện phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 4.250.560 đồng tuy không tính khi xác định trách nhiệm hình sự, nhưng đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm. Do đó, để đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm, cần tịch thu sung công quỹ nhà nước;

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra khám xét đã tạm giữ của bị cáo D là 19.200.000 đồng; đồng thời số tiền 11 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn nợ bị cáo D số tiền gốc 81.180.220 đồng; được trừ vào số tiền gốc của bị cáo đã cho vay (344.000.000 đồng).

Buộc bị cáo D còn phải nộp số tiền là 247.870.340 đồng để sung quỹ nhà nước.

Đối với 11 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án (người vay tiền) hiện còn nợ bị cáo Trần Quốc D số tiền gốc tổng cộng là 81.180.220 đồng, đây là tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm, cần tịch thu sung công quỹ nhà nước. Buộc 11 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải nộp lại. Cụ thể: Nguyễn Thị H 6.120.000 đồng, Nay H'N 9.677.420 đồng, Ksor H'Đ 3.548.390 đồng, Phạm Đình C 1.666.670 đồng, Rcom H'H 32.000.000 đồng, Nay S 4.354.840 đồng, Bùi Thị Phi V 1.774.200 đồng, Kpă H'R 645.160 đồng, Nay H'L 3.741.930 đồng, Ksor H'L 11.200.000 đồng và Nguyễn Thị Thanh T 6.451.610 đồng.

Đối với số tiền bị cáo Trần Văn C khai đã cho bị cáo Trần Quốc D mượn (100.000.000 đồng) để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng, đã được xử lý trong số tiền gốc đối với hành vi phạm tội của bị cáo D, nên không đề cập xử lý.

[7.2] Trả lại tài sản: Xét việc trả lại tài sản vượt quá lãi suất 20% cho người vay (Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) là trả lại phần tài sản mà người phạm tội thu lợi bất chính của người vay; người vay không được xác định là bị hại nên khoản tiền này không được xác định là khoản bồi thường thiệt hại về dân sự; là việc Tòa án áp dụng biện pháp tư pháp, không phải là việc giải quyết phần dân sự trong vụ án hình sự; Nên buộc bị cáo D phải trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Cụ thể: Ksor H' được trả lại 3.665.060 đồng; Ksor H'P 668.330 đồng; Nguyễn Thị H 1.572.780 đồng; Nay H'N 8.982.980 đồng; Phạm Đình C 6.505.570 đồng; Rcom H'H 14.683.330 đồng; Nay S 2.114.290 đồng; Bùi Thị Phi V 4.060.310 đồng; Kpă H'R 2.940.720 đồng; Nay H'L 725.820 đồng; Ksor H'L 4.438.890 đồng và Nguyễn Thị Thanh T 9.701.620 đồng (Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ksor H'Đ và Ksor H'P; mặc dù không yêu cầu bị cáo D phải trả lại khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm; tuy nhiên, HĐXX xét đây là việc Tòa án áp dụng biện pháp tư pháp; buộc bị cáo D phải có trách nhiệm trả lại cho Ksor H'Đ và Ksor H'P theo quy định pháp luật).

Đối với tiền phí bị cáo D đã thu của những người vay, tuy không tính vào số tiền gốc hay lãi nhưng khoản thu này là vi phạm pháp luật. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có tại hồ sơ vụ án; Buộc bị cáo có trách nhiệm trả lại cho những người vay; cụ thể: Nguyễn Thị H 650.000 đồng; Nay H'N 250.000 đồng; Ksor H'Đ 600.000 đồng; Phạm Đình C 600.000 đồng; Rcom H'H 4.000.000 đồng; Nay S 150.000 đồng; Kpă H'R 500.000 đồng; Nay H'L 300.000 đồng; Ksor H'L 500.000 đồng; Ksor H'P 150.000 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 cuốn sổ bìa màu đen có kích thước (16,3x24)cm đã qua sử dụng không rõ nhãn hiệu, bên trong có ghi các ký hiệu chữ và số liên quan đến hoạt động cho vay (được đánh số thứ tự từ 01 đến 13); 12 tờ giấy A4 và 13 tờ giấy có kích thước (15,2x10,4) cm có in nội dung quảng cáo cho vay tiền trả góp; 15 giấy biên nhận vay tiền của những người vay; 01 trích lục kết hôn (bản sao) mang tên Nguyễn Thị Thanh T; 01 sổ hộ khẩu (bản photo) và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Ksor H'P (bản photo); 01 sổ hộ khẩu (bản photo) mang tên Ksor H'Đ; 01 sổ hộ khẩu (bản photo) mang tên Ksor H'L; 01 sổ hộ khẩu mang tên Kpă H'R (bản sao); 01 giấy chứng minh nhân dân số 231001103 (bản photo), 01 sổ hộ khẩu số 210248615 (bản sao) mang tên Nay H'L; là chứng cứ của vụ án, cần tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

- Đối với số tiền 19.200.000 đồng đã thu giữ của bị cáo Trần Quốc D; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, biển kiểm soát 81M1-013.81 màu sơn đen, số khung 1201BY313978, số máy HC12E3114016 kèm theo 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 001605 cấp ngày 22/5/2012 và 01 biên lai bán hàng của cửa hàng xe máy Văn Minh có địa chỉ tại 108 T H Đ, thị xã A, G; 01 điện thoại di động nhãn hiệu LG-G6 màu xanh viền trắng có số IMEI 355468082228289 là phương tiện phạm tội; Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với 01 sim VIETTEL có số thuê bao 0346403155 là vật chứng không có giá trị; Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy.

- Đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS MAX màu đen có số IMEI 357269090081696 (đã qua sử dụng) kèm theo 01 sim VIETTEL có số thuê bao 0382172038 ; 01 sổ hộ khẩu số 210058958 (bản chính) của chị Nguyễn Thị Thanh T; 01 thẻ giáo viên mang tên Ksor H'P (bản chính); 01 giấy chứng minh nhân dân số 230638495 mang tên Rcom H'H (bản chính); 01 giấy phép lái xe số 641046005088 (bản chính), 01 thẻ văn thư (bản chính) mang tên Ksor H'Đ; 01 giấy chứng minh nhân dân số 230712334 (bản chính) mang tên Ksor H'L; 01 sổ hộ khẩu số 210290649 mang tên Bùi Thị Phi V (bản chính); 01 sổ hộ khẩu số 210058648 mang tên Nguyễn Thị H (bản chính); 01 giấy chứng minh nhân dân số 231000641 mang tên Nay S (bản chính); 01 sổ hộ khẩu (bản chính) mang tên chủ hộ Ksor L. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng pháp luật.

- Đối với 01 điện thoại di động trắng đen và sim điện thoại có số thuê bao "0982644598" bị cáo Trần Quốc Doanh sử dụng để liên hệ trong hoạt động cho

vay. Tuy nhiên, bị cáo đã làm mất chiếc điện thoại kèm theo sim điện thoại, hiện không thu giữ được nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Quốc D và Trần Văn C phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự "

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Quốc D và Trần Văn C.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc D 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Trần Văn C 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS

Truy thu buộc bị cáo Trần Quốc D phải nộp số tiền 247.870.340 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp sung công quỹ Nhà nước, gồm: Nguyễn Thị H 6.120.000 đồng, Nay H'N 9.677.420 đồng, Ksor H'Đ 3.548.390 đồng, Phạm Đình C 1.666.670 đồng, Rcom H'H 32.000.000 đồng, Nay S 4.354.840 đồng, Bùi Thị Phi V 1.774.200 đồng, Kpă H'R 645.160 đồng, Nay H'L 3.741.930 đồng, Ksor H'L 11.200.000 đồng và Nguyễn Thị Thanh T 6.451.610 đồng.

Căn cứ đoạn 2 khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Trần Quốc D trả lại cho 12 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cụ thể: Ksor H'Đ được trả lại 4.265.060 đồng; Ksor H'P 818.330 đồng; Nguyễn Thị H 2.222.780 đồng; Nay H'N 9.232.980 đồng; Phạm Đình C 7.105.570 đồng; Rcom H'H 18.683.330 đồng; Nay S 2.564.290 đồng; Bùi Thị Phi V 4.060.310 đồng; Kpă H'R 3.440.720 đồng; Nay H'L 1.025.820 đồng; Ksor H'L 5.438.890 đồng và Nguyễn Thị Thanh T 9.701.620 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 19.200.000 đồng (thu giữ của bị cáo Trần Quốc D); 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, biển kiểm soát 81M1-013.81 kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 001605 cấp ngày 22/5/2012; 01 điện thoại di động nhãn hiệu LG-G6 màu xanh viền trắng có số IMEI 355468082228289;

- Tịch thu tiêu hủy đối với 01 sim VIETTEL có số thuê bao 0346403155.

Đặc điểm nhận dạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh G lập ngày 02/3/2021.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Trần Quốc D và Trần Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Những người vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- VKSND TX Ayun Pa;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Công an TX Ayun Pa;
- Chi Cục THS DS TX Ayun Pa;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Dương Đình Mạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Đức Thại Nguyễn Thị Mến Dương Đình Mạnh